TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2022
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa****:* Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị P, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn L, xã V, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa chị P có mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị P và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh thanh Hóa ngày 18/01/2017.

Sau khi kết hôn được một tháng thì vợ chồng vào miền Nam làm ăn sinh sống. Thời gian ở trong Nam, chị và anh C luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh C ham chơi, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù nhiều lần chị đã trao đổi với anh C nhưng anh C vẫn không có sự thay đổi. Vì không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đầu năm 2020 chị đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở xã V, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Chị xác định, vợ chồng tình cảm dành cho nhau không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị P và anh Nguyễn Đình C có 01 con chung là Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 27/5/2018 hiện nay cháu đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị P là được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình C. Về con chung chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Đình C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đình C và chị Đỗ Thị P kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2017. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Đầu năm 2020 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nơi ở và công việc dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nhưng vì nghĩ thương con nên nguyện vọng của anh xin được đoàn tụ. Hiện nay chị P và con đang ở tại nhà cha mẹ đẻ tại xã V, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Anh đi làm trong Nam, thỉnh thoảng anh vẫn về thăm con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 27/5/2018, hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nguyện vọng của anh xin đoàn tụ, nếu chị P cương quyết ly hôn thì anh giao con cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng hàng tháng cho con.

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và tống đạt các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh C chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị xét xử vắng mặt anh C theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

+ Về hôn nhân: Chị P và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị P được ly hôn anh C.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 27/5/2018, hiện nay cháu đang ở cùng với chị P. Quá trình giải quyết vụ án chị P có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, anh C cũng đồng ý giao con cho chị P và anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, giao con chung cho chị P chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự về phân chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ kiện dân sự khác.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Đỗ Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đỗ Thị P khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đình C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu anh C đến Tòa án để tiến hành phiên hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án giữa chị P và anh C thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Nguyễn Đình C, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Đình C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị P và anh Nguyễn Đình C dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2017; vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra anh, chị cũng đã có thời gian trao đổi, hòa giải động viên nhau nhưng tình cảm không thể hàn gắn được, vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ, thể hiện anh không quan tâm, không tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh C đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị P xin ly hôn, về phía anh C cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị P được ly hôn anh C là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con chung: Chị P và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 27/5/2018, hiện nay cháu đang ở cùng với chị P. Sau khi ly hôn, chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Tại bản tự khai, anh C không muốn ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị P cương quyết ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị P và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay con chung đang sống cùng chị P, nguyện vọng xin được nuôi con của chị là chính đáng, trong khi đó anh C cũng đồng ý giao con cho chị P chăm sóc sau khi ly hôn. Vì vậy, cần giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị P và anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đỗ Thị P khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Đình Đức A, sinh ngày 27/5/2018 cho chị Đỗ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về án phí:* chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0007031 ngày 10/10/2022; chấp nhận chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị P, vắng mặt anh C. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Võ Kỳ Anh